

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TẠI HÀ NỘI** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2022/HC-PT

Ngày 29 - 7 - 2022

*V/v khởi kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Duy Nhiệm;

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Lê Thị Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 496/2021/TLPT-HC ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “*khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2021/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6372/QĐPT-HC ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

*\* Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1949, vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Phạm Thị A1, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 23/4/2019), có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:* Bà Đỗ Thị Thu H, Luật sư công ty Luật TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

*\* Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) tỉnh Quảng Ninh;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Cao Tường C, chức vụ: Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2021), có đơn xin xử vắng mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Đỗ Tuấn N, Luật sư Công ty TNHH một thành viên N, chi nhánh B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. UBND và Chủ tịch UBND huyện B1, tỉnh Quảng Ninh;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đức C1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện B1 (theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2021), có đơn xin xử án vắng mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Văn C2, chức vụ Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B1; ông Nguyễn Thanh C3, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B1, đều vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1;

Địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ninh;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Dương Văn C4, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã B (theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn A2, sinh năm 1974, vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Phạm Thị A1, có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2021).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 02/10/2017, UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 4685/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị A được đo vẽ tại thời điểm thu hồi có diện tích 1.599,4m<sup>2</sup> là thửa đất số 24 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4685). Đồng thời ngày 02/10/2017, UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 4686/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4686) cho gia đình bà A. Không đồng ý với các quyết định nêu trên, bà Nguyễn Thị A đã có đơn khiếu nại tới Chủ tịch UBND huyện B1 để đề nghị giải quyết. Ngày 07/3/2019, Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 684/QĐ-CT (sau đây gọi tắt là Quyết định số 684) không chấp nhận nội dung khiếu nại của gia đình bà và còn giải quyết thiếu nội dung xác định hạn mức đất ở của gia đình bà A. Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại, bà A tiếp tục có đơn khiếu nại nội dung này và ngày 18/12/2019, Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 5097/QĐ-CT (sau đây gọi tắt là Quyết định số 5097) giải quyết khiếu nại của bà. Theo đó, không chấp nhận nội dung xác định hạn mức đất ở của gia đình bà. Còn đối với nội dung khiếu nại về giá đất ở đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh chấp

nhận về việc xác định giá đất bồi thường, hỗ trợ theo giá thị trường. Do không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B1, nên bà A đã tiếp tục khiếu nại lần 2 tới Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về 2 nội dung: Xác định hạn mức đất ở và hỗ trợ tái định cư cho con trai bà là Phạm Văn A2. Ngày 30/9/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3753/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 3753) giải quyết khiếu nại lần 2, không chấp nhận nội dung khiếu nại của gia đình. Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, bà Nguyễn Thị A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Hủy Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A (ủy quyền cho bà Phạm Thị A1) trú tại thôn 4, xã B, huyện B1 (lần 2);

2. Hủy Quyết định số 5097/QĐ-CT ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A trú tại thôn 4, xã B, huyện B1;

3. Hủy một phần Quyết định số 684/QĐ-CT ngày 07/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A trú tại thôn 4, xã B, huyện B1 đối với nội dung bố trí tái định cư cho con trai là Phạm Văn A2;

4. Hủy một phần Quyết định số 4685/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A trú tại thôn 4, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ninh để thực hiện dự án: Xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã B huyện B1 và Quyết định số 4686/QĐ-UBND của UBND huyện B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị A trú tại thôn 4, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ninh để thực hiện dự án: Xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã B, huyện B1 đối với các phần có các nội dung liên quan đến xác định diện tích đất ở của gia đình bà A 400m<sup>2</sup> và hỗ trợ tái định cư.

*\* Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, cũng như người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:*

Năm 1978, gia đình bà A đã di dân theo đợt cùng với 104 hộ dân khác tại xã B2, huyện B3, tỉnh Quảng Ninh đi tiếp quản lại đất của người Hoa bỏ về nước ở các thôn, xã của huyện B1. Khi nhận tiếp quản, gia đình được quản lý, sử dụng thửa đất trên; đến năm 1979, khi có Chỉ thị số 49 ngày 01/11/1979 của UBND tỉnh Quảng Ninh, gia đình bà A được mua thanh lý 01 ngôi nhà đất 5 gian lợp ngói gắn với thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 47 có diện tích 1.560,5m<sup>2</sup> với mục đích sử dụng: ONT tại địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ninh của người Hoa để lại, và sử dụng ổn định từ năm 1978 đến nay,

ranh giới, mốc giới không có sự tranh chấp, thay đổi gì, đến năm 2000 thì bà A có tách một phần thửa đất có diện tích 537m<sup>2</sup> cho con trai là Phạm Văn A3.

Do chồng bà A bị chết đột ngột vào năm 1985 và thời gian đã lâu nên cũng không còn giữ được những giấy tờ như Biên bản kiểm kê hóa giá nhà ở, biên lai nộp ngân sách hoặc phiếu thu ngân sách, nhưng việc gia đình bà A mua thanh lý nhà của người Hoa để lại vào thời điểm trước năm 1980 đã được các cán bộ xác nhận. Năm 2011 có đo đạc địa chính thửa đất của gia đình bà A lập lại tờ bản đồ địa chính năm 2012. Theo kết quả đăng ký trong hồ sơ địa chính thì thửa đất của gia đình bà A được xác định toàn bộ vào mục đích ONT. Mà chỉ những hộ dân có nguồn gốc nhận thanh lý nhà 49 mới được xác nhận toàn bộ thửa đất vào mục đích ONT này, còn những hộ dân khác theo quy định cùng khu vực thì không được xác định lại, mà chỉ xác định hạn mức là 400m<sup>2</sup> đất ONT. Như vậy, bà A đã đăng ký toàn bộ diện tích đất ở là ONT. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 103 của Luật đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 24 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì có căn cứ xác định lại hạn mức đất ở của gia đình bà A là 1.560,5m<sup>2</sup> để được bồi thường theo giá đất ở. Hơn nữa, anh A2 là con trai cả của bà A, năm 2004 anh A2 kết hôn theo phong tục truyền thống, chưa đăng ký kết hôn theo quy định; sau khi kết hôn, anh A2 ra ở riêng tại ngôi nhà của bà A xây dựng từ năm 1985. Sau đó vợ anh A2 bỏ đi, anh A2 tiếp tục sinh sống trên thửa đất này cho đến nay. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì anh A2 đủ điều kiện tách thành một hộ riêng. Nhưng do dự án kéo dài từ năm 2007 đến năm 2017 nên các cấp chính quyền không cho tách thửa. Do vậy, căn cứ vào nguồn gốc đất, diện tích bị thu hồi, hiện đang sinh sống của anh A2 thì anh A2 đủ điều kiện được bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Do đó, bà A khởi kiện yêu cầu các nội dung trên.

*\* Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện B1, tỉnh Quảng Ninh trình bày:*

*1. Đối với nội dung yêu cầu xác định lại hạn mức đất ở của gia đình, cụ thể xác định toàn bộ diện tích 1.599,4m<sup>2</sup> là đất ở:*

Thực hiện dự án: Xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã B, huyện B1, gia đình bà Nguyễn Thị A bị thu hồi diện tích đất là 1.599,4m<sup>2</sup> tại thửa đất số 24 tờ bản đồ GPMB số 4. Ngày 25/4/2017, UBND xã B ban hành bản chứng nhận nhà đất, trong đó chứng nhận thửa đất số 24 tờ bản đồ GPMB số 4 có tổng diện tích là 1.599,4m<sup>2</sup> có nguồn gốc, cụ thể:

+ Diện tích 200m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 222 tờ bản đồ giải thửa số 7, HTX Vĩnh Thắng được UBND huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61 ngày 15/6/1996 mang tên bà Nguyễn Thị A.

+ Diện tích 1.399,4m<sup>2</sup> được UBND huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1372 ngày 06/02/2004 với diện tích 802,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở nông thôn: 400m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm: 402,4m<sup>2</sup>). Diện tích chênh lệch so

với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 597m<sup>2</sup> được xác định là do trước đây gia đình chưa kê khai hết diện tích khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Mục đích sử dụng đất là đất ở, đất trồng cây lâu năm và đất trồng cây hàng năm. Hiện trạng sử dụng: xây dựng công trình nhà ở và phục vụ sinh hoạt. Đất không có tranh chấp, thế chấp. Các công trình xây dựng trên đất: Nhà mái bằng và sân xây dựng năm 2013, các công trình khác xây dựng từ năm 1980 đến năm 2002, tại thời điểm xây dựng không bị lập biên bản.

Hồ sơ phương án của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A được lập, trình phê duyệt theo quy định.

Ngày 02/10/2017 UBND huyện B1 có Quyết định số: 4685/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A, trú tại thôn 4, xã B, huyện B1. Theo đó gia đình bà Nguyễn Thị A bị thu hồi 1.599,4m<sup>2</sup>, trong đó: Đất ở nông thôn: 400m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm: 200m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm: 999,4m<sup>2</sup>, vị trí thu hồi tại thửa đất số 24 tờ bản đồ GPMB số 4.

Ngày 02/10/2017 UBND huyện B1 có Quyết định số 4686/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị A, tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là: 1.863.783.000đ. Gia đình đủ điều kiện được bố trí 01 ô đất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Không đồng ý với nội dung thu hồi đất, phê duyệt phương án của UBND huyện B1, gia đình bà Nguyễn Thị A không đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án theo quy định. Ngày 28/8/2018, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3072/QĐ-CT về cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà Nguyễn Thị A để thực hiện Quyết định thu hồi số 4685.

Bà A có đơn khiếu nại gửi UBND huyện B1 đề nghị bồi thường toàn bộ diện tích thửa đất số 24 tờ bản đồ GPMB số 4 là đất ở. Nội dung đơn khiếu nại được UBND huyện giao cơ quan Thanh tra thụ lý giải quyết theo quy định. Ngày 18/12/2019, Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 5097/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị A về việc bồi thường 1.599,4m<sup>2</sup> thửa đất số 24 tờ bản đồ GPMB số 4 là đất ở. Bởi vì, căn cứ quy định tại Điều 11 Luật Đất đai 2013 thì việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
2. Giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này;
3. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này;

4. Đối với trường hợp không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì việc xác định loại đất thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Như vậy, thửa đất số 24 tờ bản đồ GPMB số 4 diện tích 1.599,4m<sup>2</sup> của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A đã được UBND huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Diện tích 200m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 222 tờ bản đồ giải thửa số 7, HTX Vĩnh Thắng được UBND huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61 ngày 15/6/1996 mang tên bà Nguyễn Thị A; Diện tích 802,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở nông thôn: 400m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm: 402,4m<sup>2</sup>) được UBND huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1372 ngày 06/02/2004 loại đất được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với diện tích chênh lệch so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 597m<sup>2</sup> được xác định là do trước đây gia đình chưa kê khai hết diện tích khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ - phần diện tích thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận được xác định loại đất theo quy định. Ngày 15/5/2017, UBND huyện B1 ban hành Thông báo số 239/TB-UBND “Về việc xác định loại đất phục vụ công tác GPMB thực hiện dự án; trong đó xác định loại đất đối với diện tích 597m<sup>2</sup> thuộc thửa số 24 tờ bản đồ GPMB của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A là đất trồng cây lâu năm (hiện trạng cây trồng được xác định tại biên bản kiểm đếm ngày 28/11/2016 là cây ăn quả lâu năm: Chuối, Đào, Nhãn, Vải..).

Theo hồ sơ bà Phạm Thị A1 (người được bà Nguyễn Thị A ủy quyền) cung cấp gồm các loại giấy tờ sau: Kết quả đo đạc địa chính thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 47, không ghi ngày, tháng, chỉ ghi năm 2011; Đơn xin chứng thực của gia đình đi xây dựng vùng kinh tế mới từ năm 1978; Đơn xin xác nhận theo Chỉ thị số 49, ngày 01/11/1979 của UBND tỉnh Quảng Ninh; Bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất của hộ gia đình ông, bà Phạm Văn A3 - Phạm Thị A1; Trích lục khai sinh của bà Phạm Thị A4, sinh ngày 07/01/1980 được UBND xã B cấp ngày 26/6/2017. Đối chiếu các quy định nêu trên, toàn bộ các giấy tờ do bà Nguyễn Thị A cung cấp không thuộc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và không có các loại giấy tờ theo Văn bản số 959/UBND-QLĐĐ2 ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Như vậy, việc UBND huyện B1 ban hành các Quyết định số 4685, Quyết định số 4686 và Quyết định số 5097 của Chủ tịch UBND huyện B1 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của bà A được bồi thường diện tích đất 1.599,4m<sup>2</sup> theo giá trị đất ở là không có căn cứ.

Đối với nội dung yêu cầu bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho anh Phạm Văn A2, thì tại thời điểm thu hồi đất gia đình bà Nguyễn Thị A gồm 02 thế hệ; không cặp vợ chồng bị ảnh hưởng do việc thu hồi đất để thực hiện dự án, do đó hộ gia đình bà Nguyễn Thị A đã được bố trí 01 ô đất tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Quyết định 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của

UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đảm bảo đúng quy định.

Vì vậy, các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND huyện B1 đối với gia đình bà A là đúng quy định, việc bà A khởi kiện không có cơ sở để chấp nhận, nên đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện.

*\* Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng trình bày:*

Ngày 07/3/2019 Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 684 và ngày 18/12/2019 ban hành Quyết định số 5097 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A; không đồng ý với các quyết định nêu trên, bà A có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh; căn cứ quy định của pháp luật Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý đơn khiếu nại, giao cho các cơ quan chuyên môn tổ chức xác minh, đối thoại theo quy định. Căn cứ kết quả xác minh, đối thoại, đối chiếu các giấy tờ mà bà Phạm Thị A1 cung cấp thì tại thời điểm thu hồi đất, gia đình bà Nguyễn Thị A không có giấy tờ nào theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và các giấy tờ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 959/UBND-QLĐĐ2 ngày 14/02/2015. Do đó, gia đình bà Nguyễn Thị A không đủ điều kiện được xác định lại hạn mức đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai. Như vậy, nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị A đề nghị được bồi thường toàn bộ diện tích 1.599,4m<sup>2</sup> đất thu hồi là đất ở là không có cơ sở giải quyết.

Đối với nội dung yêu cầu bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho anh Phạm Văn A2 là con trai của bà Nguyễn Thị A: Tại thời điểm có thông báo thu hồi đất hộ bà A có tổng số 05 nhân khẩu, có 3 thế hệ sinh sống trên thửa đất, trong đó có 01 nhân khẩu đã lấy chồng nước ngoài; (không có cặp vợ chồng chung sống trên cùng thửa đất theo quy định pháp luật). Do vậy hộ bà Nguyễn Thị A không đủ điều kiện bố trí thêm suất tái định cư theo qui định tại khoản 3 Điều 18 Quyết định số 3000/2017/QĐ – UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh. Hộ bà Nguyễn Thị A đã được Ủy ban nhân dân huyện B1 bố trí 01 ô đất tái định cư theo quy định. Do đó, bà A yêu cầu được bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho anh A2 là không có cơ sở.

Trên cơ sở hồ sơ tài liệu đã được xác minh và căn cứ theo quy định pháp luật nêu trên Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3753 giải quyết khiếu nại (lần 2) đối với bà Nguyễn Thị A.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 3753 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã B, huyện B1 trình bày:*

Nhất trí như ý kiến trình bày của phía người bị kiện, bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3753, Quyết định số 5097, hủy một phần Quyết định số 684 không có cơ sở chấp nhận.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn A2 quá trình giải quyết vụ án có lời khai:*

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A vì: Thứ nhất: Thừa đất của gia đình anh có nguồn gốc mua thanh lý của nhà nước theo chỉ thị 49, gia đình anh sử dụng ổn định từ năm 1978 đến nay, ranh giới rõ ràng, không tranh chấp với ai, vì vậy khi thu hồi đất thì phải bồi thường toàn bộ diện tích bị thu hồi 1.599,4m<sup>2</sup> là đất ở; Thứ hai: Về việc bố trí tái định cư: Anh sinh sống trên thừa đất của mẹ anh đến năm 2004, có lập gia đình nhưng chưa đăng ký kết hôn, anh ra ở riêng và sinh sống trên ngôi nhà xây dựng từ năm 1985, do bất đồng quan điểm, vợ anh bỏ đi, còn anh vẫn ở lại đó cho đến nay. Hiện nay mẹ anh đã chuyển đi nơi khác sinh sống với em trai út của anh. Do khi bị thu hồi đất, anh không được bố trí tái định cư nên khó khăn về chỗ ở. Anh là hộ cá nhân độc lập, đủ điều kiện được bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất vì anh phải di chuyển chỗ ở và nhà nước có thu hồi đất ở của gia đình anh.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 41/2021/HC-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí toà án; xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về yêu cầu hủy Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, trú tại thôn 4, xã B, huyện B1 ;

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về yêu cầu hủy Quyết định số 5097/QĐ-CT ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, trú tại thôn 4, xã B, huyện B1;

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 684/QĐ-CT ngày 07/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, trú tại thôn 4, xã B, huyện B1 đối với nội dung bố trí tái định cư cho con trai là Phạm Văn A2;

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4685/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 về thu hồi đất và Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND huyện B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị A, trú tại thôn 4, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ninh để thực hiện dự án: Xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã B, huyện B1 đối với phần xác định đất ở của gia đình là 400m<sup>2</sup> và hỗ trợ tái định cư;



Ngoài ra, Bản án còn xử lý về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2021 bà Nguyễn Thị A nộp đơn kháng cáo, với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện có kháng cáo giữ nguyên nội dung khởi kiện nhưng thay đổi nội dung kháng cáo là đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà A.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:*

- Người đại diện theo ủy quyền, cũng như người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Xét nguồn gốc sử dụng thì gia đình bà A sử dụng từ năm 1978, trước ngày 10/12/1980; việc này đã được chứng minh bằng đơn xin xác nhận ngày 10/6/2017, đơn xin xác nhận và danh sách các hộ đi xây dựng vùng kinh tế mới (có xác nhận của UBND xã B2 ngày 18/5/2017), bảng chứng nhận nhà đất, tài sản trên đất ngày 03/01/2017, bảng chứng nhận nhà đất, tài sản gắn liền trên đất được UBND xã B xác nhận ngày 25/4/2017, biên bản làm việc ngày 15/5/2020 giữa xã B với Thanh tra tỉnh Quảng Ninh. Mặc dù gia đình bà A không giữ được các giấy tờ chứng minh việc mua nhà thanh lý, nhưng gia đình bà A là một trong những hộ dân đi xây dựng vùng kinh tế mới theo yêu cầu của chính quyền, không phải là tự phát; gia đình bà A đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để xác định hiện trạng đất mục đích sử dụng vào ONT; giấy chứng nhận cấp cho gia đình bà ngày 06/12/2004 có chứng nhận 802,4m<sup>2</sup> tại thời điểm này không phải nộp tiền sử dụng đất; đối với diện tích 795,2m<sup>2</sup> tăng lên gia đình chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có giấy tờ gì ngoài bản đồ địa chính số 47, nên theo bản đồ địa chính và hiện trạng sử dụng đất thì diện tích đất này gia đình sử dụng là mục đích ONT. Do đó, toàn bộ diện tích đất của bà A đủ điều kiện công nhận là đất ở để bồi thường theo giá đất ở.

Đối với việc yêu cầu được bố trí thêm một suất đất tái định cư thì con trai bà A là Phạm Văn A2 sinh sống riêng, tách biệt với bà A nhưng cùng sống trên thửa đất số 197, do dự án sân golf kéo dài từ năm 2004, nên năm 2014 khi lấy vợ anh A2 không thể tách hộ được nhưng vẫn sinh hoạt độc lập, nên đủ điều kiện để được bố trí thêm 01 suất đất tái định cư. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận đơn khởi kiện của bà A.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, phía người bị kiện cho rằng bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật nên không kháng cáo, bà A kháng cáo những không xuất trình được chứng cứ gì mới để chứng minh, nên phía người bị kiện không chấp nhận, đề nghị Tòa án bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi vì:

Đối với yêu cầu bồi thường toàn bộ đất theo giá đất ở, nhưng bà A không xuất trình được chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất ở là hợp pháp.

Đối với yêu cầu bố trí thêm một ô đất tái định cư thì tại thời điểm thu hồi đất, gia đình bà A chỉ có một hộ với bốn nhân khẩu sinh sống trên đất bị thu hồi, nên chỉ được bố trí 01 ô đất tái định cư là đúng quy định.

*\* Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Nguyễn Thị A; Quyết định số 5097/QĐ-CT ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A; Quyết định số 684/QĐ-CT ngày 07/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A; Quyết định số 4685/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND huyện B1 về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A; Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND huyện B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị A. Đây là các quyết định hành chính cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp tỉnh, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 30/9/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 3753 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Nguyễn Thị A; ngày 15/12/2020 bà A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đang trong thời hạn 01 năm nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan; người đại diện hợp pháp, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện và người bảo vệ quyền lợi cho đương sự trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm một số đương sự vắng mặt, nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ những vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 59; khoản 2 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

*\*Về Nội dung:*

[3] Xét về nguồn gốc thửa đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A bị thu hồi, thấy: Gia đình bà A có 15 thửa đất bị thu hồi. Trong đó có thửa số 24/4, GPMB diện tích 1.599,4m<sup>2</sup>, tương ứng với các thửa đất số 197, 250, 164, tờ bản đồ địa chính số 47, xã B năm 2012, hộ gia đình bà A đang quản lý sử dụng để ở, được UBND huyện B1 cấp GCNQSD đất ngày 06/12/2004, diện tích 802,4m<sup>2</sup> (đất ở 400m<sup>2</sup>, đất vườn 402,4m<sup>2</sup>); thửa 24/4A GPMB diện tích 468,4m<sup>2</sup>, tương ứng với thửa 159, 171, tờ bản đồ giải thửa số 07, đất trồng cây hàng năm nhận thầu lại của UBND xã; ngoài ra các thửa đất còn lại là đất nông nghiệp của hộ bà A được UBND huyện giao và gia đình khai hoang để trồng cây hàng năm. Phần diện tích 1.599,4m<sup>2</sup> đất thu hồi nêu trên thuộc thửa đất số 197 tờ bản đồ địa chính số 47 năm 2012 của xã B, theo bà Nguyễn Thị A sử dụng từ năm 1979, trên thửa đất có nhà mái bằng và sân xây dựng năm 2013 và các công trình khác được xây dựng từ năm 1980 đến năm 2002. Mặc dù theo phía người khởi kiện trình bày: Thửa đất bị thu hồi của gia đình bà Nguyễn Thị A có nguồn gốc nhận tiếp quản lại đất của người Hoa về nước vào năm 1978. Đến năm 1979, khi có Chỉ thị số 49 ngày 01/11/1979 của UBND tỉnh, gia đình được mua thanh lý nhà đất của Ban thanh lý tài sản xã B. Tuy nhiên, phía người khởi kiện không cung cấp được tài liệu chứng minh được nguồn gốc đất do gia đình đã mua thanh lý nhà của người Hoa từ năm 1979. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền cho bà A cũng không khẳng định được việc mua bán có giấy tờ gì hay không, nhưng cho rằng năm 1985 chồng bà Nguyễn Thị A (ông Phạm Văn D) là người giữ các giấy tờ bị mất đột ngột nên gia đình không biết giấy tờ mua thanh lý năm 1979 để ở đâu, do đó không còn lưu giữ được những giấy tờ mua bán thanh lý. Do đó, không có căn cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình, mà phía người khởi kiện cung cấp các tài liệu, gồm: GCNQSD đất số vào sổ 137 do UBND huyện B1 cấp ngày 06/2/2004 mang tên bà Nguyễn Thị A; Trích lục khai sinh (bản sao) của chị Phạm Thị A4, sinh ngày 07/01/1980 được UBND xã B cấp ngày 26/6/2017; Đơn xin chứng thực gia đình đi xây dựng vùng kinh tế mới từ năm 1978 của bà Nguyễn Thị A (đề ngày 10/6/2017); Đơn xin xác nhận của các hộ dân đi theo Chỉ thị số 49 ngày 01/11/1979 của UBND tỉnh (đề ngày 18/5/2017) và Danh sách các hộ di dân đi xây dựng vùng kinh tế mới tháng 5 năm 1978 của các hộ dân đề nghị xác thực. Nhưng toàn bộ tài liệu do phía bà A cung cấp nêu trên không thuộc một trong các giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 100; khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai 2013; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, cũng như hướng dẫn tại Văn bản số 959/UBND-

QLĐĐ2 ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Đặc biệt, theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thửa đất số 24 tờ bản đồ GPMB số 4 diện tích 1.599,4m<sup>2</sup> của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A đã được UBND huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Diện tích 200m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 222 tờ bản đồ giải thửa số 7, HTX V được UBND huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61 ngày 15/6/1996 mang tên bà Nguyễn Thị A; diện tích 802,4m<sup>2</sup> (trong đó đất ở nông thôn: 400m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm: 402,4m<sup>2</sup>) được UBND huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1372 ngày 06/02/2004 loại đất được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bà A không có khiếu nại, khiếu kiện gì về việc cấp GCNQSD đất. Ngoài tài liệu này, không có tài liệu nào thể hiện diện tích đất nêu trên của gia đình bà A là đất ở. Do đó, khi thu hồi, bồi thường UBND huyện B1 chỉ bồi thường diện tích 400m<sup>2</sup> theo giá đất ở là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét nội dung yêu cầu được bổ trí thêm 01 ô đất tái định cư cho anh Phạm Văn A2, thấy: Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tại thời điểm có thông báo thu hồi đất, hộ bà A có tổng số 05 nhân khẩu, có 3 thế hệ sinh sống trên thửa đất, trong đó có 01 nhân khẩu đã lấy chồng nước ngoài; không có cặp vợ chồng chung sống trên cùng thửa đất, nên không có căn cứ xác định tại thời điểm thu hồi đất gia đình bà A có nhiều thế hệ và nhiều hộ gia đình chung sống trên diện tích đất bị thu hồi, mà chỉ đủ căn cứ xác định gia đình bà A chỉ có một hộ gia đình. Do đó, UBND huyện B1 đã bổ trí cho gia đình bà A 01 ô đất tái định cư là đúng quy định, việc bà A yêu cầu được bổ trí thêm 01 ô đất tái định cư cho anh Phạm Văn A2 là con trai của bà là không có căn cứ.

[5] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 4685, Quyết định 4686: Sau khi có quyết định phê duyệt dự án, ngày 25/3/2014 UBND huyện B1 có Thông báo số 66/TB-UBND về Chủ trương thu hồi đất để thực hiện GPMB phần diện tích đất còn lại là 93,97 ha thuộc dự án: Xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã B, huyện B1; ngày 27/4/2015 Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh ban hành Quyết định số 79/QĐ-KKT về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/5000 dự án; ngày 28/7/2016 UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 2369/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án; ngày 17/4/2017 UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 1144/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện B1; ngày 02/10/2017 UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 4685/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.599,4m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A để thực hiện dự án; đồng thời cùng ngày 02/10/2017 UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 4686/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị A là đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại của bà A số 684 và Quyết định số 5097 của Chủ tịch UBND huyện B1: Do không đồng ý với các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, bà Nguyễn Thị A khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B1. Sau khi thụ lý đơn, Chủ tịch UBND huyện B1 đã cho tổ chức xác minh, đối thoại; trên cơ sở kết quả xác minh của Thanh tra huyện B1, ngày 07/3/2019 Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 684/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, nội dung “Không chấp nhận các nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị A về: (1) Đề nghị UBND huyện hủy Quyết định số 4685/QĐ-UBND và Quyết định số 4686/QĐ-UBND để gia đình bà thỏa thuận với Công ty TNHH D1 về mức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với toàn bộ thửa đất; (2) Xác định giá đất bồi thường, hỗ trợ theo giá thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai; (3) Đề nghị UBND huyện xem xét, bố trí 02 suất tái định cư cho gia đình; (4) Đề nghị dừng cưỡng chế thu hồi đất để trả lời nội dung khiếu nại của gia đình bà”. Mặc dù Quyết định số 684 chưa giải quyết hết các nội dung khiếu nại, nhưng bà A tiếp tục khiếu nại đề nghị xem xét bồi thường 1.599,4m<sup>2</sup> với giá trị là đất ở. Tuy nhiên, như đã phân tích trên thì không có căn cứ xác định toàn bộ diện tích 1.599,4m<sup>2</sup> của bà A là đất ở, nên Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 5097 để giải quyết khiếu nại, không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị A là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Về Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, thấy: Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý, phân công điều tra, xác minh và tổ chức đối thoại theo đúng quy định của pháp luật; căn cứ kết quả xác minh, đối thoại thấy việc khiếu nại của bà A không có căn cứ chấp nhận và việc UBND huyện B1 ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại của bà A là đúng quy định của pháp luật, nên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3753/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Nguyễn Thị A, nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị A về việc: (1) Đề nghị bồi thường toàn bộ diện tích 1.559,4m<sup>2</sup> đất thu hồi (thuộc thửa số 24, tờ bản đồ GPMB số 04) là đất ở; (2) Yêu cầu được bố trí thêm 01 ô đất tái định cư cho anh Phạm Văn A2 là con trai bà Nguyễn Thị A là đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới; nên kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm của người khởi kiện không có căn cứ để chấp nhận; tại phiên Tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra người kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng bà A là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn nộp án phí, bà đã có đơn xin miễn án phí nên miễn áp phí phúc thẩm cho bà A.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2021/HC-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**